

Họ và tên học sinh : Số báo danh :

Mã đề 001

Câu 1. Trong không gian với hệ tọa độ $Oxyz$, cho ba điểm $A(1;-2;1)$, $B(-2;2;1)$, $C(1;-2;2)$. Đường phân giác trong góc A của tam giác ABC cắt mặt phẳng (Oyz) tại điểm nào dưới đây?

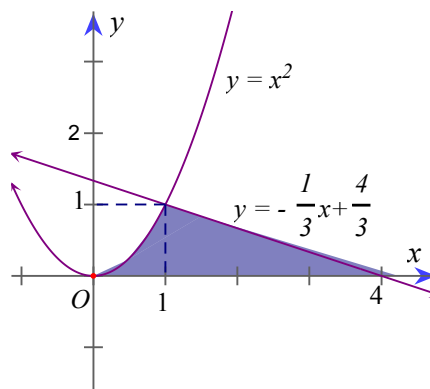
- A. $(0; \frac{-2}{3}; \frac{8}{3})$ B. $(0; \frac{2}{3}; \frac{-8}{3})$ C. $(0; \frac{-2}{3}; \frac{4}{3})$ D. $(0; \frac{-4}{3}; \frac{8}{3})$

Câu 2. Trên tập hợp số phức $\mathbb{C}$, gọi z_1, z_2 là hai nghiệm phức của phương trình $z^2 + 2z + 11 = 0$. Tính giá trị của biểu thức $A = |z_1|^2 + |z_2|^2$.

- A. 24. B. 22. C. 11. D. $2\sqrt{11}$.

Câu 3. Tính diện tích hình phẳng giới hạn bởi các đường $y = x^2$, $y = -\frac{1}{3}x + \frac{4}{3}$ và trục hoành như hình vẽ.

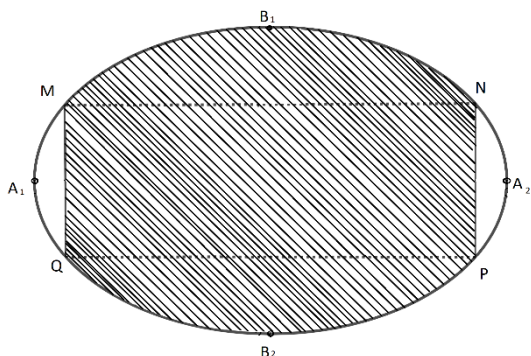
- A. $\frac{11}{6}$. B. $\frac{39}{2}$.
C. $\frac{56}{3}$. D. $\frac{7}{3}$.



Câu 4. Cho $\int_0^1 f(x)dx = 2$ và $\int_0^1 g(x)dx = 5$, khi đó $\int_0^1 [f(x) - 2g(x)]dx$ bằng

- A. -8 B. -3 C. 1 D. 12

Câu 5. Một biển quảng cáo có dạng hình elip với A_1, A_2, B_1, B_2 như hình bên. Biết chi phí để sơn phần tô đậm là 200.000 đồng/ m^2 và phần còn lại là 100.000 đồng/ m^2 . Hỏi số tiền để sơn theo cách trên gần nhất với số tiền nào dưới đây, biết $A_1A_2 = 8m$, $B_1B_2 = 6m$ và tứ giác $MNPQ$ là hình chữ nhật có $MQ = 3m$?



- A. 5.782.000 đồng B. 7.213.000 đồng C. 7.322.000 đồng D. 5.526.000 đồng

Câu 6. Công thức tính diện tích S của hình phẳng giới hạn bởi đồ thị hàm số $f(x)$ liên tục trên đoạn $[a; b]$, trục hoành và hai đường thẳng $x = a, x = b$ là

A. $S = \int_a^b f(x) dx$ B. $S = \pi \int_a^b |f(x)| dx$ C. $S = \int_a^b |f(x)| dx$ D. $S = \pi \int_a^b f^2(x) dx$

Câu 7. Trong không gian với hệ tọa độ $Oxyz$, cho bốn điểm $A(1; 0; 0)$, $B(0; 3; 0)$, $C(0; 0; 6)$ và $D(2; 5; 6)$. Tìm độ dài đường cao của tứ diện $ABCD$ hạ từ đỉnh D ?

A. $\frac{22}{\sqrt{41}}$ B. $\frac{\sqrt{21}}{42}$ C. $\frac{21}{\sqrt{42}}$ D. $\frac{\sqrt{41}}{22}$

Câu 8. Số phức $z = (1 + 2i)(2 - 3i)$ bằng

A. $-4 + i$. B. 8 . C. $8 - i$. D. $8 + i$.

Câu 9. Cho hai số phức $z_1 = 1 + 3i$; $z_2 = 2 - i$. Tìm số phức $w = 2z_1 - 3z_2$.

A. $w = -4 - 9i$. B. $w = -3 - 2i$. C. $w = -4 + 9i$. D. $w = -3 + 2i$.

Câu 10. Trong không gian với hệ tọa độ $Oxyz$, đường thẳng d đi qua hai điểm $M(2; 3; 4)$, $N(3; 2; 5)$ có phương trình là

A. $\frac{x-2}{1} = \frac{y-3}{1} = \frac{z-4}{1}$ B. $\frac{x-2}{1} = \frac{y-3}{-1} = \frac{z-4}{-1}$
C. $\frac{x-3}{-1} = \frac{y-2}{-1} = \frac{z-5}{1}$ D. $\frac{x-3}{1} = \frac{y-2}{-1} = \frac{z-5}{1}$

Câu 11. Tính diện tích hình phẳng giới hạn bởi đường thẳng $y = 2x + 1$ và đồ thị hàm số $y = x^2 - x + 3$

A. $\frac{1}{6}$. B. $-\frac{1}{6}$. C. $\frac{1}{7}$. D. $\frac{1}{8}$.

Câu 12. Trong không gian với hệ tọa độ $Oxyz$, cho điểm $A(2; -1; -2)$ và đường thẳng (d) có phương trình $\frac{x-1}{1} = \frac{y-1}{-1} = \frac{z-1}{1}$. Gọi (P) là mặt phẳng đi qua điểm A , song song với đường thẳng (d) và khoảng cách từ đường thẳng d tới mặt phẳng (P) là lớn nhất. Khi đó mặt phẳng (P) vuông góc với mặt phẳng nào sau đây?

A. $x + 3y + 2z + 10 = 0$ B. $3x + z + 2 = 0$
C. $x - y - 6 = 0$ D. $x - 2y - 3z - 1 = 0$

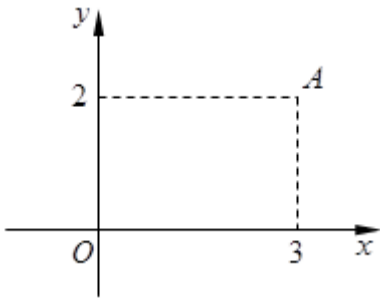
Câu 13. Cho biết $\int_{-1}^3 f(x) dx = 16$. Tính giá trị của $P = \int_0^2 [f(3 - 2x) + 2019] dx$

A. $P = 8089$. B. $P = 4046$. C. $P = 4030$. D. $P = 4054$.

Câu 14. Nghiệm có phần ảo dương của phương trình $z^2 + 4z + 5 = 0$ là

A. $-2 + 2i$ B. $-2 - 2i$ C. $-2 - i$ D. $-2 + i$

Câu 15. Điểm A trong hình vẽ bên biểu diễn cho số phức z . Tìm phần thực và phần ảo của số phức $\bar{z}$.



A. Phần thực là 3 và phần ảo là -2 .

B. Phần thực là 3 và phần ảo là $-2i$.

C. Phần thực là -3 và phần ảo là $2i$.

D. Phần thực là -3 và phần ảo là 2.

Câu 16. Xét số phức z thỏa mãn $|z - 2 - 4i| = |z - 2i|$. Tìm giá trị nhỏ nhất của $|z|$.

A. 4.

B. 8.

C. 10.

D. $2\sqrt{2}$.

Câu 17. Biết $\int_1^2 \frac{x dx}{(x+1)(2x+1)} = a \ln 2 + b \ln 3 + c \ln 5$. Tính $S = a + b + c$.

A. $S = 1$.

B. $S = 2$.

C. $S = -1$.

D. $S = 0$.

Câu 18. Cho số phức z thỏa mãn $(2-i)z + \frac{1+5i}{1+i} = 7+10i$. Môđun của số phức $w = z^2 + 20 + 3i$ là

A. 4.

B. 5.

C. 25.

D. 3.

Câu 19. Trong không gian với hệ tọa độ $Oxyz$, cho ba điểm $A(0; 1; 2)$, $B(2; -2; 1)$, $C(-2; 0; 1)$. Điểm M thuộc mặt phẳng (P): $2x + 2y + z - 3 = 0$ sao cho $MA = MB = MC$. Giả sử điểm M có tọa độ là $M(x_0; y_0; z_0)$. Giá trị của $T = x_0 + y_0 + z_0$ là:

A. $T = -2$

B. $T = 6$

C. $T = 4$

D. $T = -12$

Câu 20. Số phức $z = (2 + 3i) - (2i - 1)$ bằng:

A. $1 + i$.

B. $1 - i$.

C. $3 + i$.

D. $3 - i$.

Câu 21. Số phức $z = \frac{1+2i}{3+4i}$ bằng:

A. $\frac{2}{25} - \frac{11}{25}i$

B. $\frac{11}{25} - \frac{2}{25}i$

C. $\frac{2}{25} + \frac{11}{25}i$

D. $\frac{11}{25} + \frac{2}{25}i$

Câu 22. Công thức tính thể tích V của khối tròn xoay được tạo ra khi quay hình thang cong giới hạn bởi đồ thị hàm số $y = f(x)$ trục Ox và hai đường thẳng $x = a, x = b$ ($a < b$) xung quanh trục Ox là

A. $V = \int_a^b |f(x)| dx$.

B. $V = \int_a^b f^2(x) dx$.

C. $V = \pi \int_a^b f^2(x) dx$.

D. $V = \pi \int_a^b f(x) dx$.

Câu 23. Trong không gian với hệ tọa độ $Oxyz$, cho đường thẳng $d: \begin{cases} x = 1 \\ y = t \\ z = 4 - 2t \end{cases}$ và mặt cầu

$(S): x^2 + y^2 + z^2 - 2x + 2y - 2 = 0$. Hai mặt phẳng (P) và (Q) đồng thời chứa đường thẳng d , tiếp xúc mặt cầu (S) lần lượt tại M và N. Tính đoạn $MN = ?$

A. $MN = \frac{8}{3}$

B. $MN = \frac{4}{5}$

C. $MN = \frac{6}{\sqrt{5}}$

D. $MN = 4$

Câu 24. Trong không gian với hệ tọa độ $M\left(-\frac{29}{3}; \frac{26}{3}; -\frac{7}{3}\right)$, cho 3 điểm $A(1; 0; -1)$, $B(2; 1; -1)$,

$C(1; -1; 2)$. Điểm $M(x_M; y_M; z_M), x_M > 0$ thuộc đường thẳng AB mà $MC = \sqrt{14}$. Giá trị của $y_M + z_M$ là:

- A. $y_M + z_M = -2$ B. $y_M + z_M = 0$ C. $y_M + z_M = 3$ D. $y_M + z_M = 1$

Câu 25. Góc giữa hai véc tơ $\vec{a} = (-1; 0; 1), \vec{b} = (1; 1; 0)$ là

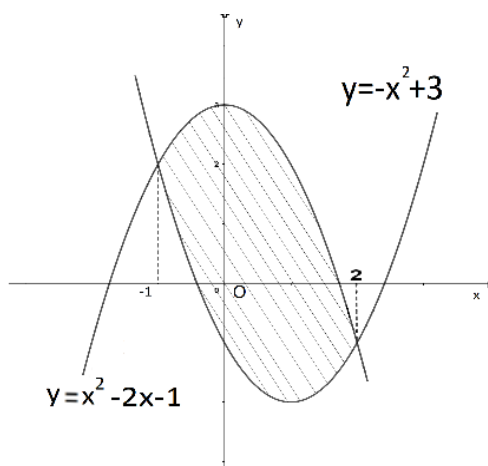
- A. 135° B. 60° C. 90° D. 120°

Câu 26. Số phức $z = 5 + 4i$ có phần thực bằng

- A. 5. B. -4. C. -5. D. 4.

Câu 27. Diện tích hình phẳng được gạch chéo trong hình vẽ bên được tính theo công thức nào dưới đây ?

- A. $\int_{-1}^2 (2x - 2) dx$
 B. $\int_{-1}^2 (-2x^2 + 2x + 4) dx$
 C. $\int_{-1}^2 (-2x + 2) dx$
 D. $\int_{-1}^2 (2x^2 - 2x - 4) dx$



Câu 28. Trong không gian với hệ tọa độ $Oxyz$, cho điểm $A(1; 2; 3), B(-1; 4; 2)$ và phương trình mặt phẳng (P): $2x - 6y + 4z + 3 = 0$. Điểm M thuộc (P) sao cho A, B, M thẳng hàng. Khi đó $x_M + y_M + z_M = ?$

- A. $x_M + y_M + z_M = \frac{7}{2}$ B. $x_M + y_M + z_M = \frac{-1}{4}$ C. $x_M + y_M + z_M = \frac{23}{4}$ D. $x_M + y_M + z_M = \frac{9}{4}$

Câu 29. Phương trình bậc hai nhận hai số phức $2 + 3i$ và $2 - 3i$ làm nghiệm là:

- A. $-z^2 + 4z - 6 = 0$ B. $z^2 - 4z + 13 = 0$ C. $2z^2 + 8z + 9 = 0$ D. $z^2 + 4z + 13 = 0$

Câu 30. Tìm hai số thực x và y thỏa mãn $(2x - 3yi) + (1 - 3i) = x + 6i$, với i là đơn vị ảo.

- A. $x = 1; y = -3$. B. $x = -1; y = -3$.
 C. $x = 1; y = -1$. D. $x = -1; y = -1$.

Câu 31. Tính tích phân: $I = \int_0^{\pi} x \cos x dx$.

- A. $I = -2$. B. $I = 0$. C. $I = -1$. D. $I = 2$.

Câu 32. Cho mặt phẳng $(\alpha): 2x + y + 3z + 1 = 0$ và đường thẳng $d: \begin{cases} x = -3 + t \\ y = 2 - 2t \\ z = 1 \end{cases}$. Tìm mệnh đề đúng

- A. $d \parallel (\alpha)$ B. $d \cap (\alpha) = M$ C. $d \subset (\alpha)$ D. $d \perp (\alpha)$

Câu 33. Gọi z_1, z_2 là hai nghiệm phức của phương trình $z^2 + 2z + 10 = 0$. Giá trị của biểu thức $A = |z_1| + |z_2|$ bằng

- A. $\sqrt{10}$ B. $2\sqrt{10}$ C. 20 D. 10

Câu 34. Kí hiệu z_1, z_2 là hai nghiệm phức của phương trình $z^2 - 3z + 5 = 0$. Giá trị của $z_1 + z_2$ bằng

- A. $-\sqrt{11}$. B. 3. C. -3. D. $\sqrt{11}$.

Câu 35. Trong không gian với hệ tọa độ $Oxyz$, cho hình lăng trụ đứng $ABC.A_1B_1C_1$ có $A(x_0;0;0)$, $B(-x_0;0;0)$, $C(0;1;0)$, $B_1(-x_0;0;y_0)$, trong đó x_0, y_0 là số thực dương và thỏa mãn $x_0 + y_0 = 4$. Khi khoảng cách giữa hai đường thẳng AC_1 và B_1C lớn nhất thì mặt cầu ngoại tiếp lăng trụ có bán kính R bằng bao nhiêu?

- A. $R = \frac{29}{4}$ B. $R = \sqrt{17}$ C. $R = 17$ D. $R = \frac{\sqrt{29}}{2}$

Câu 36. Cho số phức z thỏa $|z - 1 + i| = 2$. Chọn phát biểu đúng

- A. Tập hợp điểm biểu diễn số phức z là một đường Parabol.
B. Tập hợp điểm biểu diễn số phức z là một đường tròn có bán kính bằng 4.
C. Tập hợp điểm biểu diễn số phức z là một đường tròn có bán kính bằng 2.
D. Tập hợp điểm biểu diễn số phức z là một đường thẳng.

Câu 37. Một ô tô đang chạy thì người lái đạp phanh, từ thời điểm đó, ô tô chuyển động chậm dần đều với vận tốc $v(t) = -12t + 24$ (m/s), trong đó t là khoảng thời gian tính bằng giây, kể từ lúc bắt đầu đạp phanh. Hỏi từ lúc đạp phanh đến khi dừng hẳn, ô tô còn di chuyển bao nhiêu mét?

- A. 15 m. B. 18 m. C. 20 m. D. 24 m.

Câu 38. Trong không gian với hệ tọa độ $Oxyz$ cho $A(1;2;3)$, $B(-4;4;6)$. Tọa độ trọng tâm G của tam giác OAB là

- A. $G(-1;2;3)$ B. $G(-3;6;9)$ C. $G\left(-\frac{3}{2};3;\frac{9}{2}\right)$ D. $G(1;-2;-3)$

Câu 39. Cho hình phẳng (D) được giới hạn bởi các đường $x = 0$, $x = 1$, $y = 0$ và $y = \sqrt{2x+1}$. Thể tích V của khối tròn xoay tạo thành khi quay hình phẳng (D) xung quanh trục Ox được tính theo công thức nào sau đây?

- A. $V = \int_0^1 \sqrt{2x+1} dx$. B. $V = \int_0^1 (2x+1) dx$. C. $V = \pi \int_0^1 (2x+1) dx$. D. $V = \pi \int_0^1 \sqrt{2x+1} dx$.

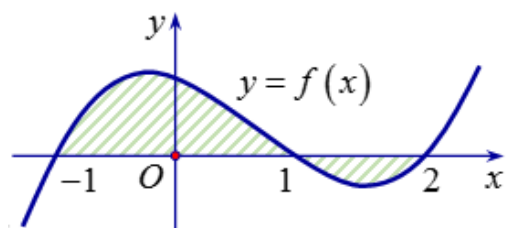
Câu 40. Trong không gian $Oxyz$, cho đường thẳng Δ vuông góc với mặt phẳng $(\alpha): x + 2y - z + 4 = 0$

đồng thời cắt cả hai đường thẳng $d: \frac{x+3}{1} = \frac{y-2}{-1} = \frac{z}{2}$ và $d': \begin{cases} x = 3+t \\ y = 3t \\ z = 2t \end{cases}$. Trong các điểm sau, điểm nào

thuộc đường thẳng Δ ?

- A. (4;5;6) B. (5;6;5) C. (4;4;5) D. (6;5;-4)

Câu 41. Gọi S là diện tích miền hình phẳng được tô đậm trong hình vẽ bên. Công thức tính S là



- A. $S = -\int_{-1}^2 f(x) dx$. B. $S = \int_{-1}^2 f(x) dx$.

$$\text{C. } S = \int_{-1}^1 f(x)dx + \int_1^2 f(x)dx.$$

$$\text{D. } S = \int_{-1}^1 f(x)dx - \int_1^2 f(x)dx.$$

Câu 42. Diện tích hình phẳng được giới hạn bởi đường cong $y = 3x^2$ trục hoành và hai đường thẳng $x = 0, x = 1$ bằng S . Giá trị của S là

$$\text{A. } S = 3.$$

$$\text{B. } S = 1.$$

$$\text{C. } S = 6.$$

$$\text{D. } S = 2.$$

Câu 43. Tính tích phân $I = \int_0^1 x(1+x^2)^4 dx$.

$$\text{A. } I = \frac{30}{10}.$$

$$\text{B. } I = \frac{31}{10}.$$

$$\text{C. } I = -\frac{31}{10}.$$

$$\text{D. } I = \frac{32}{10}.$$

Câu 44. Cho $f(x)$ liên tục trên $\mathbb{R}$ và thỏa mãn $f(2) = 16, \int_0^1 f(2x)dx = 2$. Tích phân $\int_0^2 xf'(x)dx$ bằng ?

$$\text{A. } 28.$$

$$\text{B. } 30.$$

$$\text{C. } 12.$$

$$\text{D. } 36.$$

Câu 45. Cho số phức $z = 1 + \sqrt{3}i$. Khi đó

$$\text{A. } \frac{1}{z} = \frac{1}{2} + \frac{\sqrt{3}}{2}i.$$

$$\text{B. } \frac{1}{z} = \frac{1}{2} - \frac{\sqrt{3}}{2}i.$$

$$\text{C. } \frac{1}{z} = \frac{1}{4} - \frac{\sqrt{3}}{4}i.$$

$$\text{D. } \frac{1}{z} = \frac{1}{4} + \frac{\sqrt{3}}{4}i.$$

Câu 46. Trong không gian với hệ tọa độ $Oxyz$. Phương trình mặt phẳng (P) đi qua điểm $A(-1;2;0)$ và nhận $\vec{n}(-1;0;2)$ làm VTPT có phương trình là:

$$\text{A. } -x + 2z - 1 = 0$$

$$\text{B. } -x + 2z - 5 = 0$$

$$\text{C. } -x + 2y - 5 = 0$$

$$\text{D. } -x + 2y - 5 = 0$$

Câu 47. Trong không gian với hệ tọa độ $Oxyz$, cho mặt phẳng (P) có phương trình là $-x + 3z - 2 = 0$. Chọn khẳng định đúng

$$\text{A. } (Oxy) \parallel (P)$$

$$\text{B. } Oy \parallel (P)$$

$$\text{C. } Oz \parallel (P)$$

$$\text{D. } Ox \parallel (P)$$

Câu 48. Xác định tọa độ điểm A' đối xứng với điểm $A(2;-1;3)$ qua đường thẳng $(d): \begin{cases} x = 3t \\ y = -7 + 5t \\ z = 2 + 2t \end{cases}$

$$\text{A. } (4;-3;5)$$

$$\text{B. } (7;-6;8)$$

$$\text{C. } (-1;2;0)$$

$$\text{D. } (3;-2;4)$$

Câu 49. Gọi z_1, z_2 là hai nghiệm phức của phương trình $2z^2 + \sqrt{3}z + 3 = 0$. Giá trị của biểu thức $z_1^2 + z_2^2$ bằng

$$\text{A. } 3$$

$$\text{B. } \frac{3}{18}$$

$$\text{C. } \frac{-9}{8}$$

$$\text{D. } \frac{-9}{4}$$

Câu 50. Cho hai số phức $z_1 = 1 + i$ và $z_2 = 1 - i$. Kết luận nào sau đây là sai?

$$\text{A. } \frac{z_1}{z_2} = i.$$

$$\text{B. } z_1 + z_2 = 2.$$

$$\text{C. } |z_1 \cdot z_2| = 2.$$

$$\text{D. } |z_1 - z_2| = \sqrt{2}.$$

----- HẾT -----

(Không kể thời gian phát đề)

Phần đáp án câu trắc nghiệm:

Tổng câu trắc nghiệm: 50.

Mã đề Câu	001	002	003	004	005	006	007	008
1	[0.2] A	[0.2] D	[0.2] A	[0.2] C	[0.2] C	[0.2] D	[0.2] B	[0.2] A
2	[0.2] B	[0.2] B	[0.2] B	[0.2] C	[0.2] C	[0.2] D	[0.2] B	[0.2] D
3	[0.2] A	[0.2] A	[0.2] D	[0.2] A	[0.2] D	[0.2] B	[0.2] C	[0.2] D
4	[0.2] A	[0.2] A	[0.2] D	[0.2] B	[0.2] B	[0.2] B	[0.2] D	[0.2] B
5	[0.2] C	[0.2] D	[0.2] A	[0.2] B	[0.2] A	[0.2] A	[0.2] D	[0.2] C
6	[0.2] C	[0.2] B	[0.2] C	[0.2] A	[0.2] C	[0.2] C	[0.2] A	[0.2] C
7	[0.2] A	[0.2] C	[0.2] C	[0.2] C	[0.2] A	[0.2] D	[0.2] B	[0.2] B
8	[0.2] D	[0.2] C	[0.2] B	[0.2] B	[0.2] D	[0.2] B	[0.2] A	[0.2] D
9	[0.2] C	[0.2] B	[0.2] A	[0.2] A	[0.2] A	[0.2] C	[0.2] B	[0.2] A
10	[0.2] D	[0.2] D	[0.2] B	[0.2] B	[0.2] A	[0.2] D	[0.2] D	[0.2] B
11	[0.2] A	[0.2] B	[0.2] D	[0.2] D	[0.2] B	[0.2] B	[0.2] A	[0.2] B
12	[0.2] B	[0.2] A	[0.2] C	[0.2] D	[0.2] B	[0.2] D	[0.2] C	[0.2] A
13	[0.2] B	[0.2] A	[0.2] B	[0.2] A	[0.2] A	[0.2] A	[0.2] D	[0.2] C
14	[0.2] D	[0.2] D	[0.2] D	[0.2] C	[0.2] A	[0.2] C	[0.2] A	[0.2] A
15	[0.2] A	[0.2] D	[0.2] C	[0.2] A	[0.2] D	[0.2] B	[0.2] A	[0.2] A
16	[0.2] D	[0.2] A	[0.2] A	[0.2] B	[0.2] D	[0.2] D	[0.2] B	[0.2] B
17	[0.2] D	[0.2] A	[0.2] C	[0.2] D	[0.2] B	[0.2] A	[0.2] C	[0.2] D
18	[0.2] B	[0.2] C	[0.2] C	[0.2] B	[0.2] A	[0.2] C	[0.2] A	[0.2] B
19	[0.2] A	[0.2] C	[0.2] D	[0.2] B	[0.2] C	[0.2] A	[0.2] A	[0.2] D
20	[0.2] C	[0.2] A	[0.2] A	[0.2] D	[0.2] D	[0.2] A	[0.2] C	[0.2] A
21	[0.2] D	[0.2] D	[0.2] A	[0.2] D	[0.2] B	[0.2] C	[0.2] C	[0.2] C
22	[0.2] C	[0.2] A	[0.2] D	[0.2] A	[0.2] C	[0.2] B	[0.2] B	[0.2] D
23	[0.2] A	[0.2] B	[0.2] C	[0.2] A	[0.2] C	[0.2] A	[0.2] A	[0.2] B
24	[0.2] B	[0.2] C	[0.2] C	[0.2] D	[0.2] D	[0.2] C	[0.2] D	[0.2] B
25	[0.2] D	[0.2] C	[0.2] B	[0.2] C	[0.2] B	[0.2] C	[0.2] B	[0.2] C
26	[0.2] A	[0.2] D	[0.2] D	[0.2] A	[0.2] C	[0.2] B	[0.2] A	[0.2] C
27	[0.2] B	[0.2] D	[0.2] A	[0.2] D	[0.2] D	[0.2] D	[0.2] C	[0.2] A
28	[0.2] C	[0.2] A	[0.2] A	[0.2] D	[0.2] B	[0.2] D	[0.2] D	[0.2] B
29	[0.2] B	[0.2] B	[0.2] D	[0.2] A	[0.2] A	[0.2] B	[0.2] C	[0.2] C
30	[0.2] B	[0.2] A	[0.2] D	[0.2] C	[0.2] D	[0.2] B	[0.2] D	[0.2] C
31	[0.2] A	[0.2] B	[0.2] B	[0.2] B	[0.2] B	[0.2] D	[0.2] A	[0.2] D
32	[0.2] C	[0.2] C	[0.2] A	[0.2] B	[0.2] D	[0.2] A	[0.2] A	[0.2] D
33	[0.2] B	[0.2] D	[0.2] C	[0.2] A	[0.2] D	[0.2] D	[0.2] B	[0.2] B

Mã đề Câu	001	002	003	004	005	006	007	008
34	[0.2] B	[0.2] C	[0.2] B	[0.2] C	[0.2] B	[0.2] D	[0.2] C	[0.2] A
35	[0.2] D	[0.2] C	[0.2] A	[0.2] D	[0.2] C	[0.2] A	[0.2] D	[0.2] D
36	[0.2] C	[0.2] B	[0.2] D	[0.2] A	[0.2] B	[0.2] C	[0.2] B	[0.2] D
37	[0.2] D	[0.2] D	[0.2] C	[0.2] C	[0.2] C	[0.2] C	[0.2] D	[0.2] B
38	[0.2] A	[0.2] C	[0.2] A	[0.2] B	[0.2] A	[0.2] D	[0.2] B	[0.2] C
39	[0.2] C	[0.2] A	[0.2] B	[0.2] A	[0.2] D	[0.2] A	[0.2] D	[0.2] C
40	[0.2] C	[0.2] D	[0.2] D	[0.2] C	[0.2] B	[0.2] D	[0.2] C	[0.2] A
41	[0.2] D	[0.2] D	[0.2] C	[0.2] A	[0.2] D	[0.2] A	[0.2] A	[0.2] B
42	[0.2] B	[0.2] B	[0.2] A	[0.2] C	[0.2] D	[0.2] B	[0.2] C	[0.2] B
43	[0.2] B	[0.2] C	[0.2] B	[0.2] D	[0.2] A	[0.2] C	[0.2] A	[0.2] A
44	[0.2] A	[0.2] C	[0.2] D	[0.2] A	[0.2] C	[0.2] B	[0.2] D	[0.2] C
45	[0.2] C	[0.2] B	[0.2] D	[0.2] B	[0.2] D	[0.2] D	[0.2] C	[0.2] C
46	[0.2] A	[0.2] D	[0.2] B	[0.2] C	[0.2] A	[0.2] A	[0.2] D	[0.2] A
47	[0.2] B	[0.2] A	[0.2] B	[0.2] D	[0.2] C	[0.2] C	[0.2] A	[0.2] A
48	[0.2] A	[0.2] D	[0.2] D	[0.2] B	[0.2] B	[0.2] B	[0.2] B	[0.2] C
49	[0.2] D	[0.2] B	[0.2] C	[0.2] D	[0.2] B	[0.2] A	[0.2] B	[0.2] D
50	[0.2] D	[0.2] C	[0.2] A	[0.2] D	[0.2] A	[0.2] A	[0.2] C	[0.2] C